

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 28-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc T2;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích T3 và ông Lưu Văn N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Bá T2 là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn V - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1005/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Thị T, sinh năm 1991, tại MA, PM, BÐ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn XT, xã MA, huyện PM, tỉnh BÐ; chỗ ở hiện nay: Thôn XB, xã MA, huyện PM, tỉnh BÐ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Nguyễn Văn L và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1977 và ông Trần Văn T1, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn XB, xã MA, huyện PM, tỉnh BÐ, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn DLT, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BÐ, vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn XB, xã MA, huyện PM, tỉnh BÐ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 13/12/2017, Phan Thị T thấy nhà bà Nguyễn Thị L1 không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Phan Thị T mở lưới hàng rào B40 đi vào khu vực nhà bà L1 rồi đi ra phía sau nhà bếp, dùng tay đập mạnh vào cánh cửa nhiều lần làm cho cánh cửa bị tạo thành một lỗ trống rồi cầm cái kéo sắt đưa vào bên trong để mở chốt cài cửa vào nhà lấy trộm tài sản. Khi vào bên trong nhà thấy cửa buồng ngủ của bà L1 khép hờ nên đẩy cửa đi vào lục tìm tài sản trong tủ quần áo, đầu giường và cuối giường đã lấy nhiều đồ trang sức khác nhau. Sau khi lấy trộm xong, T mang số tài sản về nhà cất giấu gồm 01 dây chuyền kiểu lá, vàng 24K có trọng lượng 04 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn, vàng 24K có trọng lượng 02 chỉ; 06 chiếc nhẫn trơn, vàng 24K có trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ; 01 dây chuyền mặt bông mai có hột trắng, vàng 18K có trọng lượng 02 chỉ 03 phân 03 li; 01 dây chuyền mặt phật, vàng 18K có trọng lượng 02 phân 01 li; 01 lách đeo tay nam, vàng 18K có trọng lượng 04 chỉ 07 phân; 01 dây chuyền kim loại, vàng 18K có trọng lượng 01 chỉ 0 phân 05 li; 01 khung mặt phật (không có hột), vàng 18K có trọng lượng 06 phân 07 li. Sau đó, Phan Thị T mang số tài sản trộm cắp được đem đến tiệm vàng “H1” của ông Nguyễn Văn H1 ở thôn DLT, thị trấn BD, huyện PM bán 01 lách đeo tay nam, vàng 18K có trọng lượng 04 chỉ 07 phân; 01 dây chuyền, vàng 18K có trọng lượng 01 chỉ 0 phân 05 li; 01 mặt phật (không có hột), vàng 18K có trọng lượng 06 phân 07 li; 02 chiếc nhẫn tròn trơn, vàng 24K có trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ được số tiền 19.890.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 dây chuyền kiểu lá, vàng 24K có trọng lượng 04 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn, vàng 24K có trọng lượng 02 chỉ; 06 chiếc nhẫn trơn, vàng 24K có trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ; 01 dây chuyền mặt bông mai có hột trắng, vàng 18K có trọng lượng 02 chỉ 03 phân 03 li; 01 dây chuyền mặt phật, vàng 18K có trọng lượng 09 phân 06 li; 01 lách đeo tay nam, vàng 18K có trọng lượng 04 chỉ 07 phân; 01 dây chuyền kim loại, vàng 18K có trọng lượng 01 chỉ 0 phân 05 li; 01 khung mặt phật (không có hột), vàng 18K có trọng lượng 06 phân 07 li; 01 cái kéo có tổng chiều dài 22 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng kim loại được uốn cong bên ngoài bọc ống nhựa màu đen, một đầu mũi kéo bị gãy, một đầu mũi kéo bị cong, phần thân lưỡi kéo bị gỉ sét.

Ngày 11/8/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện PM, tỉnh BD kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 59.786.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại tài sản cho vợ chồng bà L, ông T1 xong. Số tiền ông Nguyễn Văn H1 mua vàng bị cáo T đã trả lại xong, ông H1 không có yêu cầu bồi thường thêm.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-PM ngày 02/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, tỉnh BD truy tố Phan Thị T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, tỉnh BD giữ nguyên quyết định truy tố, nêu bản luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Phan Thị T từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị L1 Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại xong. Tại phiên tòa vợ chồng bà L1 không yêu cầu bồi thường nên không xét; Số tiền của ông Nguyễn Văn H1 mua vàng của bị cáo T, bị cáo đã bồi thường xong và ông H1 không có yêu cầu bồi thường thêm, nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: 01 cái kéo có tổng chiều dài 22 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng kim loại được uốn cong bên ngoài bọc ống nhựa màu đen, một đầu mũi kéo bị gãy, một đầu mũi kéo bị cong, phần thân lưỡi kéo bị gỉ sét. Cái kéo này là của bà L1 nhưng bà L1 không nhận lại và không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên; không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; Người bị hại bà L1, ông T1 xác định đã nhận lại tài sản bị trộm cắp xong, không có yêu cầu bồi thường thêm, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo Phan Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng

07 giờ 00 phút ngày 13/12/2017, bị cáo Phan Thị T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị L1 ở thôn XB, xã MA, huyện PM, tỉnh BD để trộm cắp tài sản; với tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt của vợ chồng bà Nguyễn Thị L1, ông Trần Văn T1 theo kết luận định giá số: 24/KL-HĐĐG ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện PM, tỉnh BD là 59.786.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, tỉnh BD truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị T không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của vợ chồng bà L1, ông T1 được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân.

Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Bị cáo là người có đầy đủ sức lực để tự lao động nuôi sống bản thân, nhưng chỉ vì tham lam tư lợi, lười biếng lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, cần xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo trộm cắp bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại và đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn Hạnh xong; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Trong vụ án này ông Nguyễn Văn H1 là người kinh doanh mua bán vàng; khi mua số vàng của bị cáo T mang đến bán, ông H1 không biết được số vàng này do bị cáo T phạm tội mà có. Khi ông H1 biết được số vàng này là do bị cáo T trộm cắp đã báo cho người bị hại biết và giao nộp lại cho Cơ quan điều tra, nên Cơ quan Điều tra không xử lý hành vi của ông H là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà Nguyễn Thị L1 và ông Trần Văn T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong và tại phiên tòa người bị hại không yêu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo đã trả lại số tiền bán vàng cho ông Nguyễn Văn H1 xong và ông H1 không có yêu cầu bồi thường thêm, nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 cái kéo có tổng chiều dài 22 cm, lưỡi bằng

kim loại, cán bằng kim loại được uốn cong bên ngoài bọc ống nhựa màu đen, một đầu mũi kéo bị gãy, một đầu mũi kéo bị cong, phần thân lưỡi kéo bị gỉ sét. Cái kéo không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đều hoàn toàn phù hợp, nên được chấp nhận

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cái kéo có tổng chiều dài 22 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng kim loại được uốn cong bên ngoài bọc ống nhựa màu đen, một đầu mũi kéo bị gãy, một đầu mũi kéo bị cong, phần thân lưỡi kéo bị gỉ sét. (Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 03/01/2018 của Công an huyện PM, tỉnh BD).

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)